

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 01 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê M Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Lưu M Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nam - Kiểm sát Viện.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1987, nơi ĐKKHTT: Thôn, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ hiện tại: Thôn Đ, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình B, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Lê Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B qua tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy B nhân dân xã H1, huyện H(nay là xã H1, thành phố T) vào ngày 29/11/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 01

năm đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B hay ghen tuông, thường xuyên đánh đập, bới chửi xúc phạm chị và gia đình chị. Chị đã phải cố gắng để chung sống mong anh B thay đổi và nuôi các con. Đến tháng 5/2015 mâu thuẫn giữa vợ chồng trở nên trầm trọng, không thể chịu đựng được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng đã sống ly thân đến nay hơn 5 năm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị M xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là các cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 03/11/2006 và Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 01/8/2012; hiện tại cả 02 con chung đang ở với anh B. Quan điểm của chị M là xin được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng. Trường hợp không được nuôi cả hai con thì chị M xin được nuôi một con ai cũng được và không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện tại chị đang đi làm Công ty tại Khu công nghiệp Hoàng Long, phường Tào Xuyên, thành phố Thanh Hóa với thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng, đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Nguyễn Đình B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B xác nhận V ệc vợ chồng kết hôn là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy B nhân dân xã Hoàng Đại, huyện Hoàng Hóa (nay là xã Hoàng Đại, thành phố Thanh Hóa) vào ngày 29/11/2005 như chị M trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng sống cùng với gia đình nhà vợ, nên giữa anh với gia đình nhà vợ có xảy ra mâu thuẫn, khúc mắc về kinh tế và chỗ ở. Từ năm 2015 anh không ở với vợ con tại nhà vợ nữa mà anh về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, sau đó anh đi làm ăn ở xa, thì thoảng mới gọi điện thăm vợ con. Từ tháng 6/2019 thì vợ chồng đã cắt đứt quan hệ tình cảm. Nay chị M yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh xác định đang còn tình cảm với chị Minh và không muốn con cái phải khổ vì bố mẹ ly hôn.

Về con chung: Anh B xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là các cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 03/11/2006 và Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 01/8/2012. Hiện tại cả 02 con chung đang ở với anh. Quan điểm của anh B là trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh sẽ tôn trọng ý kiến của các con, muốn ở với ai, thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Nếu các con ở với chị M thì anh đồng ý để chị M nuôi, còn anh không phải cấp dưỡng. Trường hợp nếu các con xin ở với anh thì anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng. Anh hiện đang đi làm phụ hồ ở địa phương với thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản và công nợ: anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/12/2020 cháu Nguyễn Thị Hà Vy có ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị M), nếu bố mẹ ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2020 cháu Nguyễn Thị Q có ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với bố (anh B), nếu bố mẹ ly hôn.

Tại Biên bản xác M lập ngày 06/11/2021, đại diện Ủy B nhân dân xã Th cho biết: Anh Nguyễn Đình B và chị Lê Thị M có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Hoàng Đại, huyện Hoàng Hóa vào ngày 29/11/2005. Quá trình chung sống tại địa phương thì thấy đã nhiều năm nay anh B và chị M không chung sống với nhau, anh B sinh sống tại địa phương, chị M sinh sống tại huyện Hoàng Hóa; còn mâu thuẫn cụ thể giữa vợ chồng địa phương không rõ. Về con: anh chị có 02 (hai) con chung là các cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 03/11/2006 và Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 01/8/2012.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Đình B. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hà V cho chị Lê Thị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Q cho anh Nguyễn Đình B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ: Không xem xét. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát Viện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị M khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Đình B, cư trú tại: Thôn, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Đình B tự nguyện kết hôn, đã được Ủy B nhân dân xã Hoàng Đại cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/11/2005, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh B là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã; nguyên nhân là do bất đồng trong sinh hoạt gia đình, nơi ở, công Việc của hai bên vợ chồng và vấn đề kinh tế. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị M một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; còn anh B có ý kiến không đồng ý ly hôn,

nhưng anh B không thể hiện được mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân đã không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị M, xử cho chị Lê Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Đình B.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Đình B đều xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là các cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 03/11/2006 và Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 01/8/2012.

Hội đồng xét xử, thấy rằng: Cả 02 con chung của anh chị đều đang ở độ tuổi cần phải có người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; trong khi cả chị M và anh B đều có đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi con. Do đó để đảm bảo quyền được nuôi con của hai bên vợ chồng sau ly hôn và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao cho cả hai anh chị mỗi người được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, cụ thể: Giao cháu Nguyễn Thị Hà V cho chị Lê Thị M trực tiếp nuôi; giao cháu Nguyễn Thị Q cho anh Nguyễn Đình B trực tiếp nuôi dưỡng, như vậy là phù hợp với nguyện vọng của các con và các quy định của pháp luật. Chị M và anh B đều không có yêu cầu về cấp dưỡng, do đó chị M và anh B không ai phải cấp dưỡng.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Đình B đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Đình B.

2. Về con chung: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Đình B có 02 (hai) con chung là các cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 03/11/2006 và Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 01/8/2012.

Giao cháu Nguyễn Thị Hà V cho chị Lê Thị M được trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Thị Q cho anh Nguyễn Đình B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Đình B không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Đình B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Chị Lê Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006197 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Lê Thị M đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã H1
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến